

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Phầm và ông Lộc Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn L, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/02/2022, lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L ngày 25/10/2016. Sau khi kết hôn không hạnh phúc do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng cãi chửi nhau liên tục, anh Lương Văn L còn đánh đập chị liên tục, bạo lực gia đình, chị và anh Lương Văn L đã được hai bên gia đình đã động

viên hàn gắn nhưng không thành. Việc bạo lực và cãi chửi nhau, không gây thương tích nên chị không báo chính quyền địa phương. Đến tháng 6/2021 chị và các con đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống tại thôn Bản T, xã T. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Hoàng Thị T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với anh Lường Văn L.

Về con chung: Có 02 con chung là Lường Quốc T, sinh ngày 27/7/2017 và Lường Gia H, sinh ngày 08/8/2019 hiện nay đều đang sống cùng chị, chị yêu cầu khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Lường Văn L cấp dưỡng nuôi con do chị đang làm công nhân thu nhập 01 tháng là 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, đủ cho 03 mẹ con sống bình thường và có hỗ trợ của mẹ đẻ chị, chỗ ở của 03 con cũng ổn định, sống tại nhà mẹ đẻ, các cháu được đi học bình thường.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lường Văn L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác nên Tòa án không thể lấy lời khai được.

Tiến hành xác minh tại nhà của ông Lường Văn H và bà Hoàng Thị L là bố mẹ đẻ anh Lường Văn L ở thôn B, xã H cho biết: Anh Lường Văn L hiện nay đang đi làm công ty, vẫn về gia đình, các văn bản tố tụng của Tòa án đều được ông bà giao và thông báo cho anh Lường Văn L biết, nhưng anh Lường Văn L không có ý kiến gì. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Lường Văn L ông bà không nắm được và không ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định từ Điều 239 đến Điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T và anh Lường Văn L được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn L đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Hoàng Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Lương Văn L. Anh Lương Văn L không có ý kiến gì, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn L không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Lương Văn L.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Lương Văn L có 02 con chung là Lương Quốc T, sinh ngày 27/7/2017 và Lương Gia H, sinh ngày 08/8/2019; từ khi ly thân các con chung đều chung sống với chị Hoàng Thị T, chị Hoàng Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn L đã nhận được văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Chị Hoàng Thị T có thu nhập ổn định, làm công nhân thu nhập hàng tháng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, các cháu đang sống với mẹ, ngoài ra chị còn có mẹ đẻ hỗ trợ chăm sóc các cháu, các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ (cháu Lương Gia Lương chưa đủ 36 tháng tuổi). Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Lương Quốc T, sinh ngày 27/7/2017 và Lương Gia H, sinh ngày 08/8/2019 cho chị Hoàng Thị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị T chưa yêu cầu.

Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết và nợ chung không có do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là phiên tòa mở lần 2, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lương Văn L, cư trú tại Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo nguyên đơn là chị Hoàng Thị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không hiểu nhau, thường xuyên cãi cọ, bất đồng quan điểm, anh Lường Văn L có hành vi đánh chị, bạo lực gia đình, chị Hoàng Thị T và anh Lường Văn L đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bị đơn anh Lường Văn L đã nhận được văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Hoàng Thị T và anh Lường Văn L đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Lường Văn L không có ý kiến gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Lường Văn L có 02 con chung là Lường Quốc T, sinh ngày 27/7/2017 và Lường Gia H, sinh ngày 08/8/2019; từ khi ly thân các con chung đều chung sống với chị Hoàng Thị T, chị Hoàng Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lường Văn L đã nhận được văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì. Chị Hoàng Thị T có thu nhập ổn định, làm công nhân thu nhập hàng tháng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, các cháu đang sống với mẹ, ngoài ra chị còn có mẹ để hỗ trợ chăm sóc các cháu, các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc giáo dục của người mẹ (cháu Lường Gia Lương chưa đủ 36 tháng tuổi). Do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là Lường Quốc T, sinh ngày 27/7/2017 và Lường Gia H, sinh ngày 08/8/2019 cho chị Hoàng Thị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho các cháu. Anh Lường Văn L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị T chưa yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét giải quyết; nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Lương Văn L.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 33, đăng ký ngày 25/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Lương Quốc T, sinh ngày 27/7/2017 và Lương Gia H, sinh ngày 08/8/2019 cho chị Hoàng Thị T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lương Văn L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hoàng Thị T chưa yêu cầu.

Anh Lương Văn L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, xác nhận chị Hoàng Thị T đã nộp đủ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0005088 ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

Nguyễn Thị Tuyết Mai

